

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2022/HC-PT
Ngày 22/7/2022
V/v Khởi kiện quyết định giải quyết
khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố
Hưng Yên

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang.

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;
Ông Nguyễn Xuân Phách.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 123/2022/TLPT-HC ngày 12/04/2022 về việc “*Khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Hưng Yên*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6151/2022/QĐ-PT ngày 08/7/2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1947; địa chỉ: Số nhà 139, Tổ 2, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

+ Luật sư Lê Minh C và Luật sư Phạm Thị Thúy K, Văn phòng Luật sư số 6 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Nhà số 12, ngõ 11, đường N, phường H, quận M, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: Số 568, đường P, phường N, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: Số 01 đường Đ, phường A, thành phố H,

tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện: Ông Vũ Ngọc N - Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn H – Phó Chủ tịch; vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/3/2020, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành quyết định số 894/QĐ - UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Vũ Ngọc T, bà Lê Thị T1 (người được cụ Vũ Thị K ủy quyền). Theo quyết định số 894/QĐ - UBND, chủ tịch UBND thành phố H đã bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Vũ Ngọc T, bà Lê Thị T1; giữ nguyên nội dung Công văn số 20/UBND ngày 12/8/2019 của UBND phường A về việc giải quyết đơn đề nghị của cụ Vũ Thị K, ông Vũ Ngọc T và Quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND phường A về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của cụ Vũ Thị K và ông Vũ Ngọc T.

Ông Vũ Ngọc T, bà Lê Thị T1 cho rằng UBND phường A và Chủ tịch UBND phường A ban hành công văn số 20/UBND ngày 12/8/2019 và Quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 01/11/2019 xác định phần diện tích khoảng 50m² của gia đình ông, bà tại Khu phố D, phường A (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 50, bản đồ địa chính phường A) là đất công do UBND phường quản lý là không đúng với lý do: Trước năm 1960, gia đình ông bà có khoảng 5,5 mẫu ruộng tại Khu phố D, phường A, đến năm 1960 gia đình ông đã công hữu vào Hợp tác xã và còn để lại khoảng 50m² đất để trồng rau. Do vậy, việc UBND phường A căn cứ vào các hồ sơ địa chính đang lưu giữ tại địa phương để xác định phần diện tích khoảng 50m² đất tại Khu phố D, phường A (giáp đầu hồi nhà kho HTX đội 5) là đất công do UBND phường quản lý là không đúng. Mặt khác, theo ông bà phần diện tích đất nêu trên gia đình đã sử dụng từ trước những năm 1960 đến năm 2013 (từ năm 2014 thì được gia đình cho hộ ông Lê Văn B mượn để trồng rau đến ngày 12/8/2019, gia đình ông mới biết đất của gia đình được gộp vào đất sân kho tại Công văn số 20/UBND của UBND phường A). Từ năm 1960 đến nay gia đình ông bà không nhận được bất cứ quyết định thu hồi đất nào của cơ quan có thẩm quyền đối với phần diện tích đất nêu trên để xây dựng các công trình phục vụ mục đích công. Do vậy, UBND phường A cho rằng phần diện tích đất nêu trên của gia đình ông, bà là đất công là không có cơ sở.

Ông Vũ Ngọc T đã làm đơn khởi kiện Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H; đồng thời ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên hủy bỏ Văn bản hành chính số 20/UBND của UBND phường A ngày 12/8/2019; Quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 894/QĐ - UBND của Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hưng Yên nêu trên.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H (người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Quốc H1) trình bày:

Kết quả kiểm tra, xác minh đã xác định phần diện tích đất khoảng 50m² ông Vũ Ngọc T, bà Lê Thị T1 cho rằng thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông là không có cơ sở với lý do:

Thứ nhất, theo các bộ hồ sơ địa chính có giá trị pháp lý đang lưu giữ tại UBND phường A (đặc biệt là hồ sơ địa chính 299 và sổ đăng ký ruộng đất) thể hiện phần diện tích đất (khoảng 50m²) theo nội dung khiếu nại của ông Vũ Ngọc T, bà Lê Thị T1 thuộc một phần thửa đất công do UBND phường A quản lý; không có bất cứ hồ sơ, tài liệu nào thể hiện hộ gia đình cụ Vũ Thị K, ông Vũ Ngọc T, bà Lê Thị T1 đăng ký, kê khai sử dụng thửa đất nêu trên.

Thứ hai, ông Vũ Ngọc T và bà Lê Thị T1 không cung cấp được bất cứ giấy tờ, tài liệu nào có giá trị pháp lý chứng minh quyền sử dụng đối với phần diện tích khoảng 50m² thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 50 bản đồ địa chính phường A mà ông bà cho rằng thuộc quyền sử dụng của gia đình.

Thứ ba, quá trình xác minh đại diện Khu phố D và đại diện các ban ngành, đoàn thể của khu phố D và hộ ông Lê Văn B đều khẳng định phần diện tích đất ông Vũ Ngọc T cho rằng thuộc quyền sử dụng của gia đình là đất công được sử dụng làm nhà kho, sân kho của HTX từ trước những năm 1980 cho đến nay không thuộc quyền sử dụng của bất cứ hộ gia đình, cá nhân nào.

Đại diện UBND thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 01/11/2019, Chủ tịch UBND phường A đã ra quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 01/11/2019 về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của ông Vũ Ngọc T, cụ Vũ Thị K. Trong quyết định thể hiện Chủ tịch UBND phường A bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông Vũ Ngọc T; giữ nguyên nội dung Công văn số 20/UBND ngày 12/8/2019 của UBND phường A về việc trả lời đơn của cụ Vũ Thị K, ông Vũ Ngọc T với lý do: Theo hồ sơ địa chính có giá trị pháp lý đang lưu giữ tại UBND phường thì phần diện tích đất ông Vũ Ngọc T, cụ Vũ Thị K cho rằng thuộc quyền sử dụng của gia đình là đất công do UBND phường quản lý; ông Vũ Ngọc T, cụ Vũ Thị K không cung cấp được bất cứ giấy tờ, tài liệu nào có giá trị pháp lý chứng minh cho quyền sử dụng đất của mình đối với thửa đất nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 02/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32, Điều 60; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 18; Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 100 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc T, về việc: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên ra quyết định hủy bỏ các văn bản: Văn bản hành chính số 20/UBND của Ủy ban nhân dân phường A ngày 12/8/2019; Quyết định số 179/QĐ - UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ban hành ngày 01/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 894/QĐ - UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên ban hành ngày 27/3/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 894/QĐ - UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Về án phí: Ông Vũ Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đối chiếu Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0000295, ngày 19/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, ông Vũ Ngọc T đã nộp đủ số tiền trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/12/2021, ông Vũ Ngọc T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông, tuyên hủy Văn bản hành chính số 20/UBND của Ủy ban nhân dân phường A; Quyết định số 179/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A và Quyết định số 894/QĐ-UBND.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Ngọc T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, làm rõ nguồn gốc đất để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông. Ông Vũ Ngọc T và các luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét toàn diện về nguồn gốc đất; không ghi nhận đầy đủ để xác minh, đánh giá các lời khai của người làm chứng; sử dụng các bản đồ tự do, vẽ, không đúng quy định của pháp luật; còn một bản đồ khác trước năm 1984 chưa được thu thập; vi phạm các quy định về thu thập và đánh giá chứng cứ. Ông T và các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận các yêu cầu của ông T trong đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; trường hợp không chấp nhận các yêu cầu này thì hủy bản án sơ thẩm để thu thập chứng cứ và xét xử sơ thẩm lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Vũ Ngọc T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Ngọc T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng

hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, ngày 08/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên nhận được đơn khởi kiện của ông Vũ Ngọc T khởi kiện Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H “V/v giải quyết khiếu nại lần hai của ông Vũ Ngọc T, bà Lê Thị T1”; đồng thời, trong đơn khởi kiện và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, ông T đề nghị hủy Văn bản hành chính số 20/UBND của UBND phường A ngày 12/8/2019 “V/v giải quyết đơn đề nghị của công dân”; Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND phường A giải quyết khiếu nại lần đầu. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã thụ lý vụ án, xác định Quyết định số 894/QĐ-UBND là đối tượng khởi kiện và xét xét toàn bộ yêu cầu của ông Vũ Ngọc T trong vụ án là phù hợp với quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Khi xác định tư cách những người tham gia tố tụng, lẽ ra cần xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường A và Chủ tịch UBND phường A; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định UBND phường A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đầy đủ. Thiếu sót này tuy không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nhưng cần rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án tương tự.

[4] Về câu của ông Vũ Ngọc T, theo trình bày của ông thì từ trước năm 1960, gia đình ông có khoảng 5,5 mẫu ruộng tại Khu phố D, phường A; đến năm 1960 gia đình ông đã công hữu vào Hợp tác xã và còn để lại khoảng 50m² đất để trồng rau. UBND phường A căn cứ vào các hồ sơ địa chính đang lưu giữ tại địa phương để xác định phần diện tích khoảng 550m² đất tại Khu phố D, phường A (giáp đầu hồi nhà kho HTX đội 5) là đất công do UBND phường quản lý là không đúng. Về nội dung này, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ được lưu giữ tại UBND phường A thì phần diện tích đất khoảng 50m² mà ông Vũ Ngọc T cho rằng thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông là đất công do UBND phường quản lý; cụ thể, theo hồ sơ địa chính 299 lập năm 1984 và sổ đăng ký ruộng đất thể hiện thửa số 146, tờ bản đồ số 6, diện tích 760m² là loại đất sân kho, sử dụng Đội V; theo bản đồ 237 và sổ mục kê lập năm 1997 thể hiện Thửa số 107, tờ bản đồ số 20, diện tích 538m² (sổ mục kê ghi 558m²) là loại đất xây dựng cơ bản, chủ sử dụng là UBND xã (sổ mục kê ghi Hội trường); theo bản đồ Vlap và sổ mục kê lập năm 2011 thể hiện thửa số 14, tờ bản đồ số 50, diện tích 547,7m² là đất Văn hóa, chủ sử dụng là UBND phường; không có hồ sơ, tài liệu nào thể hiện hộ gia đình ông Vũ Ngọc T đã đăng ký, kê khai sử dụng diện tích đất nêu trên.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của ông Vũ Ngọc T, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của một số người làm chứng gồm các ông: Đoàn Xuân D, Lê Hữu C, Vũ Ngọc C1, Phạm Hồng X và ông Lê Văn H2, đều trú tại: Đội 5, khu phố D, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Ngoài ra ông T còn giao nộp thêm tài liệu là lời chứng của bà Bùi Thị T2, nguyên là Chủ nhiệm HTX nông nghiệp thời kỳ 1981 – 1985 có xác nhận nội dung gia đình ông Vũ Văn D1 sau khi nhập ruộng vào Hợp tác xã thì có giữ lại khoảng 50m² đất.

Tuy nhiên, đây không phải là căn cứ đủ để công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông. Hơn nữa, bên cạnh những lời khai xác nhận lời trình bày của ông Vũ Ngọc T, cũng có những lời khai của các nhân chứng khác (đại diện khu phố D, đại diện các ban, ngành, đoàn thể khu phố D và một số hộ gia đình) xác nhận diện tích đất mà ông Vũ Ngọc T cho rằng thuộc quyền sử dụng của gia đình là đất công, được sử dụng làm nhà kho, sân kho của Hợp tác xã từ trước năm 1980 cho đến nay, không thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình nào. Ngoài các lời khai của một số nhân chứng, ông Vũ Ngọc T không cung cấp được giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý nào để chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình mình. Như vậy, căn cứ vào các quy định của Luật Đất đai năm 2013, UBND phường A ban hành Văn bản hành chính số 20/UBND ngày 12/8/2019 trả lời cụ Vũ Thị K và ông Vũ Ngọc T về việc không có tài liệu nào xác định phần đất (50 m²) là của gia đình cụ Vũ Thị K là có căn cứ và hợp pháp.

[6] Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Vũ Ngọc T và cụ Vũ Thị K đối với Văn bản số 20/UBND, Chủ tịch UBND phường A, Chủ tịch UBND thành phố H đã thụ lý, tiến hành xác minh, đối thoại, giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định số 179/QĐ-UBND, Quyết định số 894/QĐ-UBND theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Ngọc T, tuyên hủy các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên.

[7] Với những phân tích nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật; tuy nhiên, trong phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 894/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hưng Yên” là không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, cần rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án tương tự.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Ngọc T không xuất trình được chứng cứ gì mới, có giá trị pháp lý để Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá; vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Ngọc T như đề nghị của các luật sư và cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[9] Về án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Vũ Ngọc T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của ông Vũ Ngọc T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên như sau:

Áp dụng Điều 30; Điều 32; Điều 60; Điều 115; Điều 116; Điều 193; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật khiếu nại năm 2011; Điều 100 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc T, về việc đề nghị hủy bỏ Văn bản hành chính số 20/UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân phường A; Quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 894/QĐ - UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

2. Về án phí: Ông Vũ Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đối chiếu Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0000295, ngày 19/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, ông Vũ Ngọc T đã nộp đủ số tiền trên. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Vũ Ngọc T. Ông Vũ Ngọc T được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000030 ngày 13/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hồng Sơn

Nguyễn Xuân Phách

Chu Thành Quang